

# LUẬT DÂN SỰ I

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

# **BÀI 5**

# **THỪA KẾ**

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

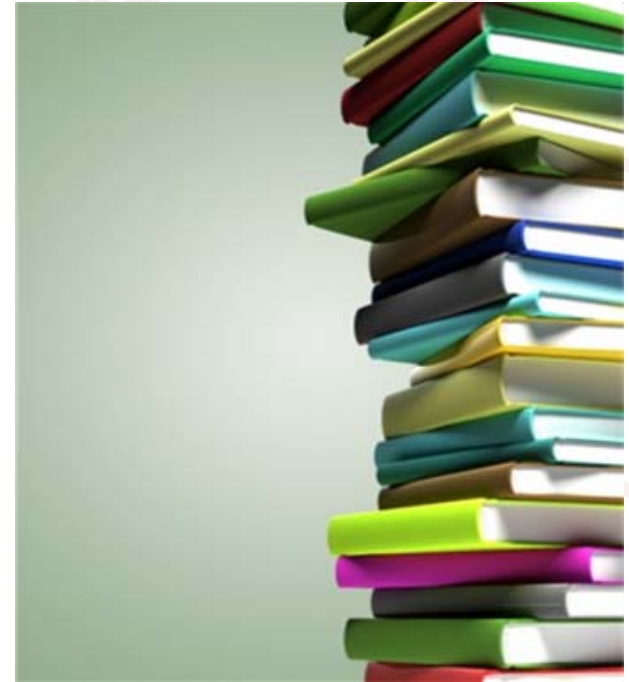
# MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Trình bày được các quy định chung về thừa kế.
- Trình bày được các nội dung về thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.
- Phân biệt được thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.
- Xác định được việc thanh toán và phân chia di sản.



# CÁC KIẾN THỨC CẦN CÓ

Để học được môn học này, sinh viên phải học xong các môn học: Luật Hiến pháp



## HƯỚNG DẪN HỌC

- Đọc kỹ các tài liệu tham khảo.
- Trao đổi với giáo viên và các sinh viên khác về những vấn đề liên quan đến thừa kế.
- Tích cực tìm hiểu và trả lời các câu hỏi của bài học.
- Nghiên cứu và tìm hiểu thêm các vấn đề có liên quan đến thừa kế trên thực tế.



# CẤU TRÚC NỘI DUNG

**5.1**

Quy định chung về thừa kế

**5.2**

Thừa kế theo di chúc

**5.3**

Thừa kế theo pháp luật

**5.4**

Thanh toán và phân chia di sản

## 5.1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỪA KẾ

- Thời điểm mở thừa kế:
  - Là thời điểm người có tài sản chết;
  - Hai trường hợp:
    - Chết thực tế, chết sinh học;
    - Chết pháp lý (thuộc trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết).
- Địa điểm mở thừa kế:

Là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản hoặc là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản (nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng).
- Di sản bao gồm:
  - Tài sản riêng của người chết;
  - Phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

## 5.1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỪA KẾ (tiếp theo)

- Người thừa kế: Là người được hưởng tài sản của người chết để lại theo chỉ định trong di chúc hoặc theo quy định của pháp luật.
- Điều kiện người thừa kế:
  - Là cá nhân: Phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết.
  - Là cơ quan, tổ chức: Phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.



## 5.1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỪA KẾ (tiếp theo)

- Người không được quyền hưởng di sản:
  - Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó.
  - Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.
  - Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng.
  - Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc, giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.
- Những người trên vẫn được hưởng di sản nếu: Người để lại di sản đã biết hành vi của họ nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.

## 5.1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỪA KẾ (tiếp theo)

- Thừa kế của những người có quyền thừa kế di sản của nhau mà chết cùng thời điểm:
  - Họ không được thừa kế di sản của nhau;
  - Di sản của mỗi người do người thừa kế của người đó hưởng (trừ trường hợp thừa kế thế vị).
- Thời hiệu khởi kiện về thừa kế:
  - Là 10 năm (kể từ thời điểm mở thừa kế): Để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác.
  - Là 3 năm (kể từ thời điểm mở thừa kế): Để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại.

## 5.2. THỪA KẾ THEO DI CHỨC

- Di chúc: Là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.
- Di chúc hợp pháp, đủ các điều kiện sau:
  - Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép.
  - Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.
- Hiệu lực pháp luật của di chúc:
  - Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế.
  - Di chúc không có hiệu lực một phần hoặc toàn bộ khi: (a) người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc cùng thời điểm với người lập di chúc; (b) cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế; (c) di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế.
  - Khi di chúc có phần không hợp pháp và không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật.
  - Khi một người để lại nhiều bản di chúc với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực pháp luật.

## 5.2. THỪA KẾ THEO DI CHỨC (tiếp theo)

5.2.1. Người lập di chúc

5.2.2. Hình thức của di chúc

5.2.3. Nội dung của di chúc

## 5.2.1. NGƯỜI LẬP DI CHỨC

- Người lập di chúc:
  - Người đã thành niên có quyền lập di chúc (trừ trường hợp bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình).
  - Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể lập di chúc, nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.
- Quyền của người được lập di chúc:
  - Chỉ định người thừa kế, truất quyền hưởng di sản của người thừa kế;
  - Phân định phần di sản cho từng người thừa kế;
  - Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng;
  - Giao nghĩa vụ cho người thừa kế;
  - Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.

## 5.2.2. HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC

Di chúc bằng văn bản	Di chúc miệng
<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Không có người làm chứng:</b> Người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào bản di chúc.</li><li>• <b>Có người làm chứng:</b> (a) khi người lập di chúc không thể tự mình viết, (b) ít nhất 2 người làm chứng, (c) người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt người làm chứng, (d) người làm chứng xác nhận và ký vào di chúc.</li><li>• <b>Có công chứng/có chứng thực:</b> (i) người lập di chúc tuyên bố nội dung di chúc trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND cấp xã để họ ghi chép lại; (ii) người lập di chúc/công chứng viên/người có thẩm quyền chứng thực: ký (hoặc điểm chỉ) vào di chúc.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Được lập khi tính mạng một người bị cái chết đe dọa mà không thể lập di chúc bằng văn bản.</li><li>• Hợp pháp khi: (a) người lập thể hiện ý chí trước ít nhất 02 người làm chứng; (b) người làm chứng, ngay sau đó, ghi chép lại, cùng ký tên (hoặc điểm chỉ); (c) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thể hiện ý chí cuối cùng của người lập, di chúc phải được công chứng hoặc chứng thực.</li><li>• Sau 03 tháng kể từ thời điểm di chúc miệng được lập mà người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.</li></ul>

### 5.2.3. NỘI DUNG CỦA DI CHỨC

- Nội dung của di chúc bằng văn bản:
  - Phải ghi rõ: (a) ngày tháng năm lập di chúc; (b) họ tên và nơi cư trú của người lập di chúc; (c) họ tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản (hoặc xác định rõ điều kiện được hưởng di sản); (d) di sản để lại và nơi có di sản; (e) việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ.
  - Yêu cầu: (i) di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; (ii) di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký (hoặc điểm chỉ) của người lập di chúc.
- Di tặng:
  - Người lập di chúc có thể dành một phần di sản để tặng cho người khác (ghi rõ trong di chúc).
  - Người được di tặng không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với phần được di tặng (trừ trường hợp toàn bộ di sản không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người lập di chúc).
- Di sản dùng vào việc thờ cúng:

Người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng, phần di sản đó: (i) không được chia thừa kế, (ii) được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc (hoặc người được những người thừa kế cử nếu di chúc không chỉ định) quản lý để thực hiện việc thờ cúng.

### 5.2.3. NỘI DUNG CỦA DI CHỨC (tiếp theo)

Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc:

- Bao gồm: (1) cha, mẹ; (2) vợ, chồng; (3) con chưa thành niên; (4) con đã thành niên không có khả năng lao động.
- Thuộc trường hợp: (a) không được người lập di chúc cho hưởng di sản; (b) chỉ được hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được chia theo pháp luật.

#### **Được hưởng**

Phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được chia theo pháp luật.

#### **Cách tính**

Suất thừa kế theo pháp luật =  $\frac{\text{di sản}}{\text{số người thừa kế}}$  được quyền hưởng (và không từ chối).



### 5.3. THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

- Khái niệm: là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.
- Áp dụng trong trường hợp:
  - Không có di chúc.
  - Di chúc không hợp pháp.
  - Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước (cùng thời điểm) với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế.
  - Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc: Không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền nhận di sản.
- Áp dụng đối với phần di sản:
  - Không được định đoạt trong di chúc.
  - Có liên quan đến phần của di chúc không có hiệu lực pháp luật.
  - Có liên quan đến người được thừa kế theo di chúc nhưng họ không có quyền hưởng di sản, từ chối quyền nhận di sản, chết trước hoặc cùng thời điểm với người lập di chúc; liên quan đến cơ quan, tổ chức được hưởng di sản nhưng không còn vào thời điểm mở thừa kế.

### 5.3. THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT (tiếp theo)

Diện thừa kế là những người có mối quan hệ với người để lại di sản

Quan hệ hôn nhân

Quan hệ huyết thống

Quan hệ nuôi dưỡng

### 5.3. THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT (tiếp theo)

- Hàng thừa kế:
  - Hàng thứ nhất: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.
  - Hàng thứ hai: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại và ngược lại.
  - Hàng thứ ba: cụ nội, cụ ngoại của người chết mà người chết chắt ruột và ngược lại; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết mà người chết là cháu ruột và ngược lại; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.
  - Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau; những người hàng sau chỉ được hưởng thừa kế khi không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

### 5.3. THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT (tiếp theo)

- Thừa kế thế vị:
  - Nếu con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha/mẹ cháu được hưởng nếu còn sống.
  - Nếu cháu chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha/mẹ cháu được hưởng nếu còn sống.
- Thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế: Nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau.
- Thừa kế giữa vợ chồng trong các trường hợp:
  - Đã chia tài sản chung khi hôn nhân còn tồn tại: Sau đó một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
  - Đang xin ly hôn (chưa có quyết định giải quyết có hiệu lực của Tòa án): Nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
  - Đang là vợ (chồng) của một người tại thời điểm người đó chết: Sau đó đã kết hôn với người khác thì vẫn được thừa kế di sản.

## 5.4. THANH TOÁN VÀ PHÂN CHIA DI SẢN

- Phân chia di sản theo di chúc:
  - Việc phân chia di sản được thực hiện theo ý chí của người để lại di chúc; nếu di chúc không xác định rõ phần của từng người thừa kế thì di sản được chia đều cho những người được chỉ định trong di chúc (trừ khi có thỏa thuận khác).
  - Nếu di sản được phân chia theo hiện vật thì người thừa kế được nhận kèm theo hoa lợi, lợi tức thu được từ hiện vật hoặc chịu phần giá trị hiện vật bị giảm sút (tính đến thời điểm phân chia di sản).
  - Nếu di chúc chỉ xác định phân chia di sản theo tỷ lệ đối với tổng giá trị khối di sản thì tỷ lệ này được tính trên giá trị khối di sản đang còn vào thời điểm phân chia di sản.
- Phân chia di sản theo pháp luật:
  - Khi phân chia di sản nếu có người thừa kế cùng hàng đã thành thai nhưng chưa sinh ra thì phải dành lại một phần di sản bằng phần người thừa kế khác được hưởng. Phần này sẽ thuộc về người thừa kế đó nếu còn sống khi sinh ra hoặc thuộc về những người thừa kế khác nếu người này chết trước khi sinh ra.
  - Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật. Nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật. Nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia.

## 5.4. THANH TOÁN VÀ PHÂN CHIA DI SẢN

- Hạn chế phân chia tài sản:
  - Theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thỏa thuận của tất cả những người thừa kế: Di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định.
  - Trường hợp có yêu cầu phân chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ (chồng) còn sống và gia đình thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản người thừa kế được hưởng nhưng chưa chia cho họ trong một thời gian (không quá 3 năm kể từ thời điểm mở thừa kế).
- Phân chia di sản trong trường hợp đã phân chia di sản nhưng:
  - Có người thừa kế mới: Không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật; người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận (trừ khi có thỏa thuận khác).
  - Có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế: Người đó phải trả lại di sản hoặc thanh toán một khoản tiền tương đương với giá trị di sản được hưởng tại thời điểm chia thừa kế cho những người thừa kế (trừ khi có thỏa thuận khác).

Trong bài này, chúng ta đã nghiên cứu các nội dung chính sau:

- Các quy định về thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam.
- Hiểu được việc chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật.
- Có thể vận dụng kiến thức về thừa kế để lập di chúc, phân chia di sản thừa kế, giải quyết các tranh chấp về thừa kế trên thực tế.